

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **09/2019/HNGĐ-ST**

Ngày: 27-3-2019

V/v “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Võ Thị Thu Thảo.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Lâm

2. Bà Trần Thị Kim Phượng.

- Thư ký phiên toà: Bà Lê Thị Kim Thoa – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 3 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 05/2019/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 01 năm 2019 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 02 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Lê Nguyễn Thành D, sinh năm 1986; địa chỉ thường trú: Số 85 đường T, Tổ 2, ấp T, xã T, thị xã T, tỉnh Bình Dương, có đơn xin giải quyết vắng mặt.

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Thu V, sinh năm 1988; địa chỉ thường trú: Số 1003 đường N, tổ 73, khu 8, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Lê Nguyễn Thành D trình bày: Ông Lê Nguyễn Thành D và bà Nguyễn Thị Thu V là vợ chồng, có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn, được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 50, quyển số 01, ngày 10/7/2014 tại UBND phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến tháng 3/2015 bà V chuyển về sống chung tại gia đình cha mẹ vợ tại số 1003 đường N, phường T, thành phố T đến nay, từ đó vợ chồng phát sinh mâu thuẫn chủ yếu là vấn đề kinh tế, nơi sinh sống và làm việc của hai vợ chồng. Do đó, vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau hơn ảnh hưởng nghiêm trọng đến tình cảm 02 bên. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng ngày càng phai

nhật, mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn, hôn nhân không thể kéo dài. Vì vậy, ông D yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông D được ly hôn với bà V.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Lê Nguyễn Văn A, sinh ngày 05/5/2015, khi ly hôn ông D đồng ý để bà V nuôi con, ông D cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kèm theo đơn khởi kiện nguyên đơn đã giao nộp các tài liệu, chứng cứ sau: Chứng minh nhân dân và sổ hộ khẩu của ông Lê Nguyễn Thành D, Giấy chứng nhận kết hôn (bản sao), giấy khai sinh cháu Lê Nguyễn Văn A (bản sao công chứng)

Bị đơn bà Nguyễn Thị Thu V trình bày: Thống nhất ông D về thời gian kết hôn, cũng như thời gian vợ chồng chung sống, về vấn đề con chung. Tuy nhiên, bà V cho rằng, việc bà về nhà cha mẹ ruột sinh sống là do con còn nhỏ, bà cần sự giúp đỡ của gia đình bên ngoại để trông nom, chăm sóc cháu khi bà đi làm, do bà đi làm tại thành phố T. Hiện nay con đã lớn, bà cũng muốn vợ chồng sống gần nhau để nuôi dạy, chăm sóc con. Bà V xác định còn yêu thương chồng nên không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Lê Nguyễn Văn A, sinh ngày 05/5/2015. Trường hợp Tòa án cho ly hôn bà V đồng ý nuôi con và đồng ý việc ông D cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu: Từ khi thụ lý vụ án đến khi khai mạc phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký đã tiến hành đúng, đủ các thủ tục tố tụng. Vụ án còn trong thời hạn chuẩn bị xét xử theo Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định về quyền và nghĩa vụ theo các Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Riêng đối với bị đơn không thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo các Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định pháp luật. Kiểm sát viên không kiến nghị khắc phục hay bổ sung khác. Đối với quan điểm giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] *Về quan hệ pháp luật:* Ông D và bà V kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố T. Nay ông D có đơn xin ly hôn với bà V và có yêu cầu giải quyết về vấn đề con chung. Như vậy, quan hệ pháp luật là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự .

[1.2] *Về sự tham gia phiên tòa của các đương sự:* Bị đơn bà Nguyễn Thị Thu V đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng bà V không đến Tòa án để tham gia phiên tòa sơ

thẩm nhưng không thông báo lý do vắng mặt cho Tòa án biết. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Ngày 14/02/2019 nguyên đơn ông Lê Nguyễn Thành D có đơn xin giải quyết vắng mặt. Căn cứ Khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn.

[2] *Các vấn đề có tranh chấp*: Ông D và bà V là vợ chồng, sống chung có đăng ký kết hôn tại UBND phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương vào ngày 10/7/2014 là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Ông D cho rằng vợ chồng chung sống hạnh phúc được thời gian đầu, đến tháng 3/2015 bà V chuyển về sống chung gia đình cha mẹ vợ tại số 1003 đường N, phường T, thành phố T đến nay, từ đó vợ chồng phát sinh mâu thuẫn chủ yếu là vấn đề kinh tế, nơi sinh sống và làm việc của hai vợ chồng, do không cùng quan điểm nên vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau hơn, ảnh hưởng nghiêm trọng đến tình cảm 02 bên. Bà V cho rằng vợ chồng có sống xa nhau nhưng vì công việc và hoàn cảnh, bà rất muốn đoàn tụ để vợ chồng chung sống nuôi dạy con nhưng ông D cương quyết yêu cầu được ly hôn và không muốn bà V trở về chung sống, bà V mong muốn đoàn tụ nhưng cũng không có biện pháp nào để cải thiện mối quan hệ tình cảm vợ chồng. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông D khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn bà V là có căn cứ, đúng pháp luật theo quy định tại theo Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

[3] *Về con chung*: Vợ chồng có 01 con chung tên Lê Nguyễn Vân A, sinh ngày 05/5/2015, khi ly hôn ông D đồng ý để bà V nuôi con. Xét, cháu A hiện còn rất nhỏ cũng cần có sự chăm sóc của mẹ. Do đó, khi ly hôn việc giao con cho mẹ nuôi là phù hợp với cuộc sống hiện tại của cháu. Căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, nên Hội đồng xét xử giao cháu Lê Nguyễn Vân A cho bà Nguyễn Thị Thu V chăm sóc nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ông D đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng. Xét việc cấp dưỡng nuôi con khi cha mẹ ly hôn là nghĩa vụ của cha mẹ đối với con. Do đó, sự tự nguyện cấp dưỡng nuôi con của ông D là phù hợp quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Từ phân tích trên, xét lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên Tòa chấp nhận.

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Ông Lê Nguyễn Thành D phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là ông Lê Nguyễn Thành D về việc "ly hôn, tranh chấp về nuôi con" đối với bị đơn bà Nguyễn Thị Thu V.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật, Giấy chứng nhận kết hôn số 50 quyền số 01 do UBND phường T, thành phố T cấp ngày 10/7/2014 cho ông Lê Nguyễn Thành D và bà Nguyễn Thị Thu V không còn giá trị pháp lý.

Về con chung: Giao bà Nguyễn Thị Thu V được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung tên Lê Nguyễn Văn A, sinh ngày 05/5/2015.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Lê Nguyễn Thành D có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 4/2019 đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thanh toán số tiền nêu trên thì người phải thi hành án còn phải trả cho người được thi hành án khoản tiền lãi bằng mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Không ai được quyền cản trở ông Lê Nguyễn Thành D trong việc thăm nom, chăm sóc con chung.

Vì lợi ích của con chưa thành niên, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con sau này khi cần thiết.

Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí:

- Án phí hôn nhân gia đình: Ông Lê Nguyễn Thành D phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ hết vào tiền tạm ứng án phí đã nộp tạm ứng trước đây theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2016/0033343 ngày 03/01/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố T.

- Án phí cấp dưỡng nuôi con: Ông Lê Nguyễn Thành D phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng)

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND TP. Thủ Dầu Một;
- CC THADS TP. Thủ Dầu Một;
- Các đương sự;
- UBND p. T, tp. T;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Thị Thu Thảo